



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VILAS 087

CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH DƯỢC LIỆU
CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM

SỐ: 02/2026

ĐƯƠNG QUY

(*Angelicae sinensis Radix*)

SKS: HP0626017

Rễ đã làm khô của cây Đương quy [*Angelica sinensis* (Oliv.) Diels.], họ Hoa tán (Apiaceae), đã được nghiền thành bột.

I. Mục đích sử dụng

Sử dụng trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

II. Mô tả: Bột màu nâu vàng.

III. Liên kết chuẩn

Dược liệu chuẩn Đương quy (*Angelicae sinensis Radix*); Nguồn gốc: NIFDC-Trung Quốc, SKS:120927-202118;

Chất chuẩn acid ferulic; Nguồn gốc: Chengdu biopurify Phytochemicals Ltd.-Trung Quốc; SKS: PRF23032942; HI: 99,8 % $C_{10}H_{10}O_4$ khan; Độ ẩm: 0,6 %.

IV. Kết quả phân tích

1. Bột : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Đương quy.

2. Định tính

SKLM, phương pháp 1 : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết cùng màu sắc và tương đương về vị trí với các vết thu được trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn Đương quy.

SKLM, phương pháp 2 : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết cùng màu sắc và tương đương về vị trí với các vết thu được trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn Đương quy.

3. Độ ẩm : 10,0 %.

PP cất với dung môi

4. Tro toàn phần : 4,4 %.

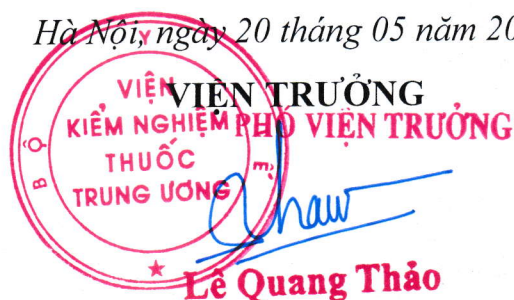
5. Tro không tan trong acid : 0,45 %.
6. Chất chiết được trong dược liệu : 65,2 %, tính theo dược liệu khô kiệt.
PP chiết nóng, dung môi là ethanol 70 %.
7. Định lượng tinh dầu : 0,7 %, tính theo dược liệu khô kiệt.
8. Định lượng (HPLC) : 0,11 % acid ferulic ($C_{10}H_{10}O_4$), tính theo dược liệu khô kiệt.

V. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

VI. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	05/2028	<i>[Signature]</i>

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026



Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.gov.vn>